



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

BẢN TIN SỐ 1536

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 16/12/2025 đến ngày 22/12/2025)

AI THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

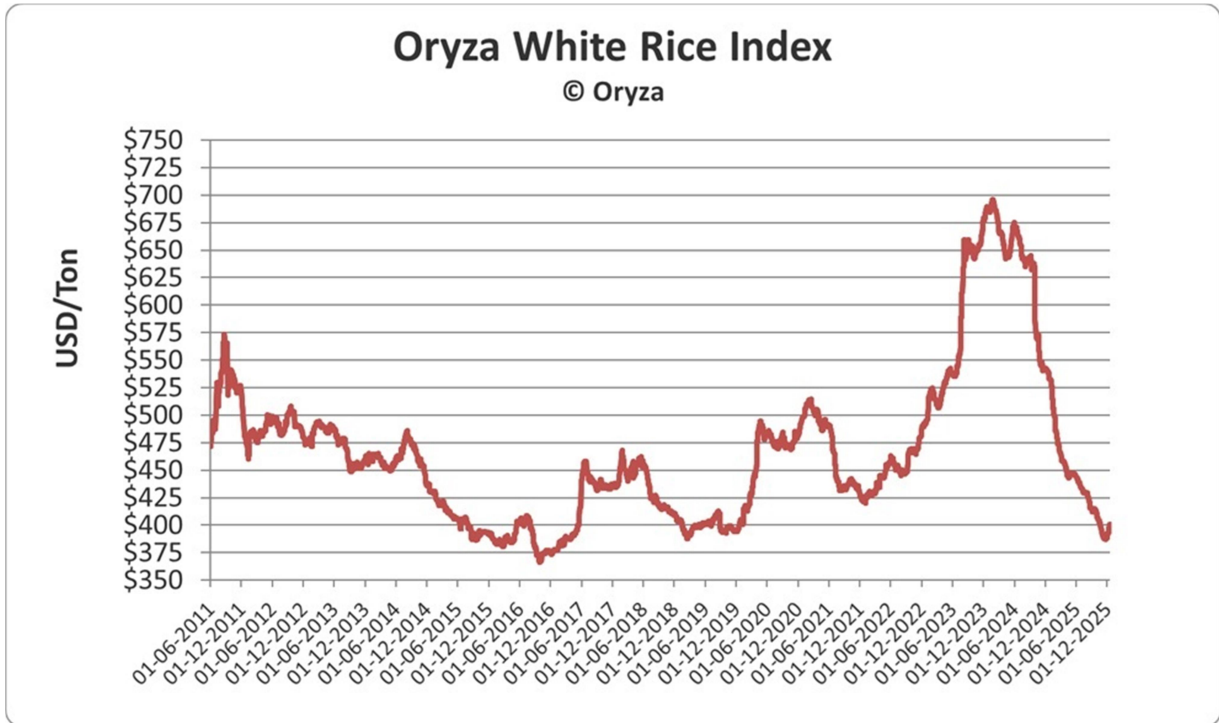
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	16 – 12		17 – 12		18 – 12		19 – 12	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	402	406	402	406	402	406	402	406
	5% tấm	392	396	392	396	392	396	392	396
	25% tấm	374	378	373	377	374	378	373	377
	Hom Mali 92%	1105	1109	1115	1119	1105	1109	1115	1119
	Gạo đỏ 100% Stxd	406	410	407	411	406	410	407	411
	A1 Super	346	350	346	350	346	350	346	350
VIỆT NAM	5% tấm	363	367	363	367	363	367	363	367
	25% tấm	343	347	343	347	343	347	343	347
	Gạo thơm 5% tấm	435	460	435	460	435	460	435	460
	Jasmine	453	457	453	457	453	457	453	457
	100% tấm	319	323	319	323	319	323	319	323
ẤN ĐỘ	5% tấm	350	354	349	353	350	354	349	353
	25% tấm	340	344	341	345	340	344	341	345
	Gạo đỏ 5% Stxd	353	357	353	357	353	357	353	357
	100% tấm Stxd	304	308	304	308	304	308	304	308
PAKISTAN	5% tấm	354	358	354	358	354	358	354	358
	25% tấm	331	335	331	335	331	335	331	335
	100% tấm Stxd	319	323	319	323	319	323	319	323
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	337	341	337	341	337	341	337	341
MỸ	4% tấm	562	566	562	566	562	566	562	566
	15% tấm (Sacked)	568	572	568	572	568	572	568	572
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	866	870	866	870	866	870	866	870

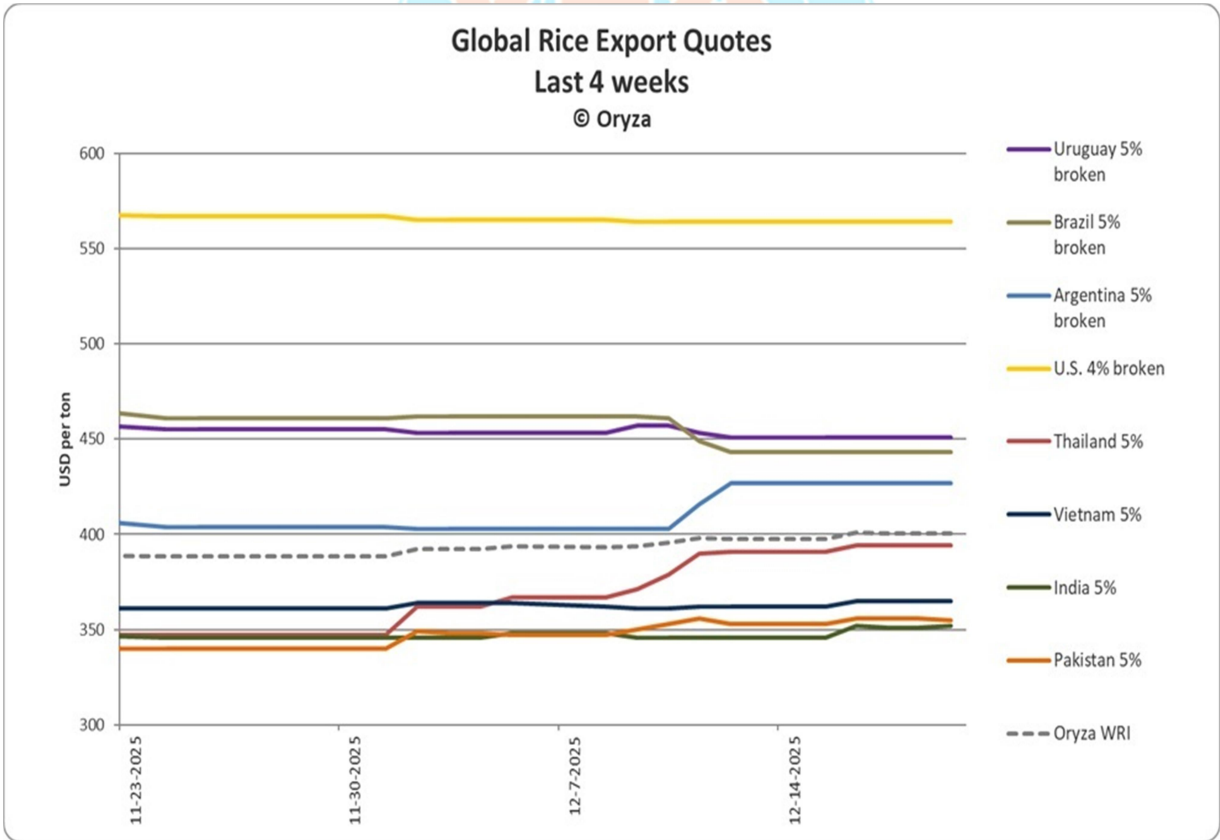
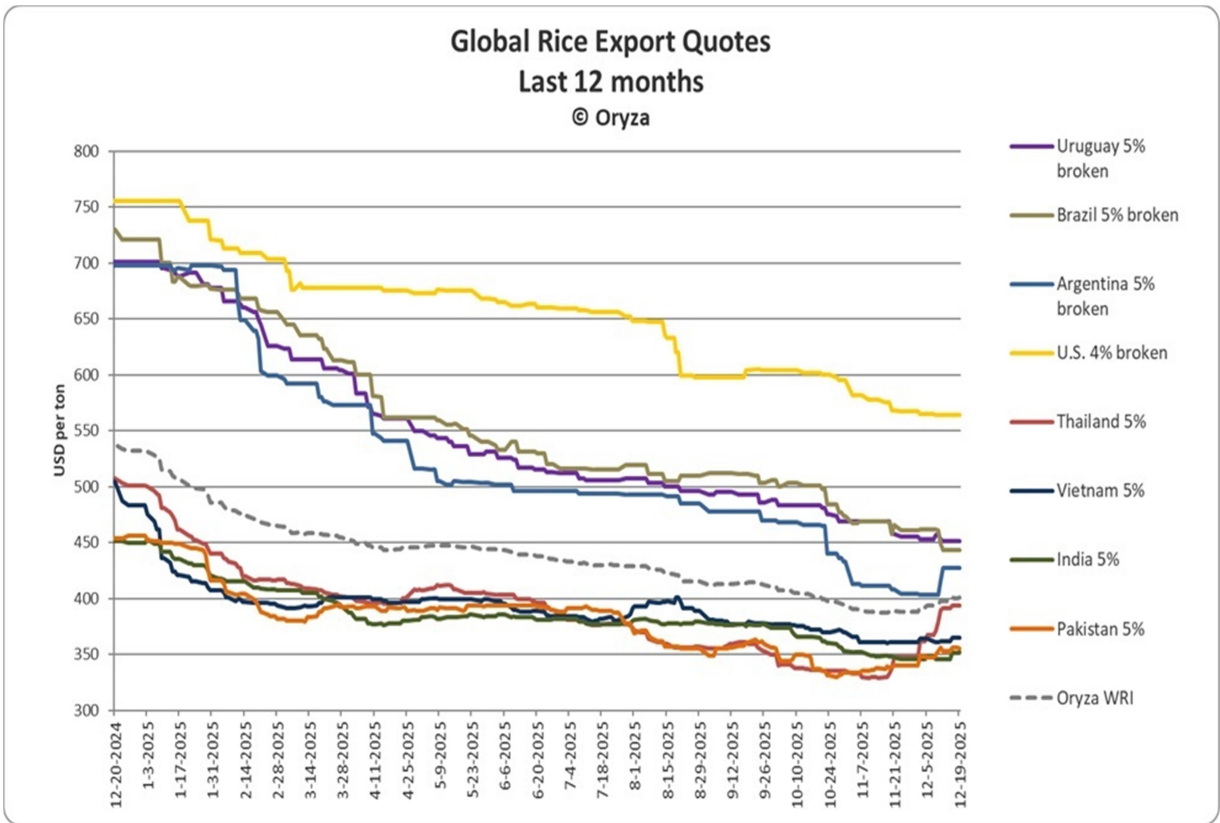
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

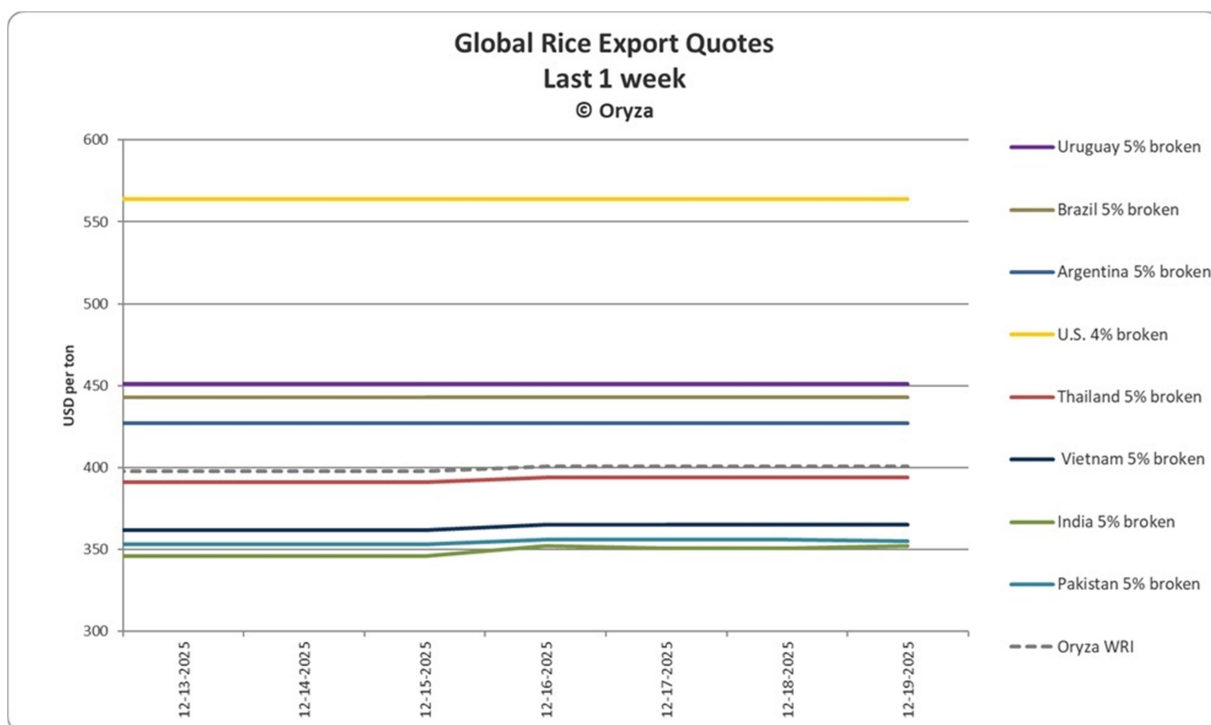
***Tổng quan thị trường:**



Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 401 USD/tấn, tăng 3 USD/tấn so với tuần trước và tăng 13 USD/tấn so với tháng trước, giảm 137 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Triển vọng Gạo tháng 12/2025 của USDA cho thấy thị trường gạo toàn cầu niên vụ 2025/26 nhìn chung ở tình trạng khá thuận lợi. Sản lượng gạo thế giới được ước tính đạt 540,4 triệu tấn gạo xay xát, thấp hơn chút ít so với các dự báo trước đó do điều chỉnh giảm ở một số nước sản xuất, nhưng được bù đắp bởi lượng tồn kho đầu kỳ lớn, qua đó nâng tổng nguồn cung toàn cầu lên mức kỷ lục 730,7 triệu tấn. Tiêu thụ gạo toàn cầu dự kiến đạt mức cao mới, dù thấp hơn đôi chút so với ước tính trước, trong khi thương mại gạo thế giới năm 2026 được dự báo đạt kỷ lục 62,8 triệu tấn, nhờ nhu cầu nhập khẩu mạnh từ châu Á và châu Phi. Nhìn chung, tồn kho cuối kỳ tăng cho thấy nguồn cung dồi dào và điều kiện cung ứng ổn định trên thị trường gạo toàn cầu.

Theo một bài viết trên Planeta Arroz, giá gạo thế giới được kỳ vọng sẽ tiếp tục giảm trong quý I/2026. Các nguồn tin thị trường dẫn theo Báo cáo Thị trường Toàn cầu Platts cho rằng nguyên nhân chính của xu hướng giảm này là việc Ấn Độ quay trở lại thị trường xuất khẩu với một vụ mùa rất lớn, làm gia tăng nguồn cung toàn cầu và gây áp lực giảm giá trên diện rộng. Sản lượng gạo của Ấn Độ niên vụ 2024/25 được ước tính khoảng 124,5 triệu tấn, qua đó làm tăng mức tồn kho và có thể khiến Chính phủ Ấn Độ đẩy mạnh bán gạo ra thị trường thông qua Chương trình Bán gạo ra thị trường mở (OMSS), từ đó gia tăng khối lượng gạo có thể xuất khẩu. Nguồn cung dồi dào này, cùng với đồng rupee suy yếu giúp gạo Ấn Độ cạnh tranh hơn về giá, đang tạo sức ép lên các nhà xuất khẩu lớn khác như Thái Lan và Việt Nam. Ngày 5/12, giá

gạo trắng 5% tấm của Ấn Độ được chào ở mức 338 USD/tấn, giảm 5 USD so với tháng trước, trong khi giá gạo của Thái Lan và Việt Nam cao hơn nhưng chịu áp lực cạnh tranh. Các chuyên gia được trích dẫn trong bài viết nhận định rằng nếu Ấn Độ duy trì chiến lược giá quyết liệt, giá gạo từ các nước xuất khẩu khác có thể buộc phải điều chỉnh giảm; xu hướng giá này có thể tái định hình dòng chảy thương mại gạo toàn cầu, trong bối cảnh các nhà nhập khẩu vẫn thận trọng và các thị trường như châu Phi được theo dõi chặt chẽ do tình trạng dư thừa tồn kho tại Tây Phi.

Bangladesh

Các đợt đấu thầu nhập khẩu gạo mới nhất của Bangladesh cho thấy nhu cầu mạnh và mức giá cạnh tranh, trong đó gạo có xuất xứ từ Ấn Độ nổi lên là lựa chọn rẻ nhất. Trong gói thầu mua 50.000 tấn gạo đóng ngày 8/12/2025, mức chào thấp nhất 355,77 USD/tấn CIF, do Pattabhi Agro Foods đưa ra cho gạo đồ non-basmati của Ấn Độ; một số chào giá khác cũng từ Ấn Độ dao động tới khoảng 366 USD/tấn và hiện vẫn đang được xem xét.

Riêng ở một gói thầu khác kết thúc ngày 9/12/2025, Bangladesh đã phê duyệt mua 50.000 tấn gạo đồ non-basmati với mức giá còn thấp hơn, 351,11 USD/tấn; nguồn hàng cho phép từ mọi xuất xứ và thời gian giao trong vòng 40 ngày. Đây là một phần trong nỗ lực của chính phủ nhằm hạ nhiệt giá gạo nội địa thông qua nhập khẩu khối lượng lớn.

Indonesia

Năm 2025, Indonesia đạt cột mốc lịch sử khi tự túc hoàn toàn cả gạo và ngô, chấm dứt nhập khẩu hai mặt hàng lương thực chủ lực này và qua đó tăng cường đáng kể an ninh lương thực quốc gia. Sản lượng gạo dự kiến đạt khoảng 34,77 triệu tấn, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước nhờ thời tiết thuận lợi, mở rộng diện tích gieo trồng và sự hỗ trợ mạnh mẽ của Chính phủ. Dự trữ gạo nhà nước cũng tăng lên mức kỷ lục 4 triệu tấn, hoàn toàn thu mua từ nông dân trong nước, góp phần bình ổn giá và nguồn cung.

Sản lượng ngô cũng tăng đủ để đáp ứng nhu cầu làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, cho phép tạm dừng nhập khẩu. Thành quả này được hỗ trợ bởi giá thu mua cho nông dân cao hơn, cải thiện hệ thống thủy lợi, áp dụng công nghệ canh tác hiện đại, phát triển quỹ đất theo vùng và các nỗ lực thu hút lao động trẻ vào nông nghiệp. Từ thành công đó, Chính phủ đặt mục tiêu tiếp tục giảm phụ thuộc nhập khẩu ở các mặt hàng thiết yếu khác, bao gồm đường, nhằm củng cố khả năng bảo đảm an ninh lương thực trong dài hạn.

Philippines

Theo số liệu sơ bộ của Cơ quan Thống kê Philippines (PSA), trong tháng 11/2025, giá lúa khô tại ruộng trung bình ở Philippines tăng 6,5% so với tháng trước, lên 16,92 peso/kg sau khi Chính phủ áp dụng lệnh cấm nhập khẩu. Tuy nhiên, mức giá này vẫn thấp hơn 16,6% so với cùng kỳ năm trước, dù đã cải thiện so với mức giảm mạnh 22,7% ghi nhận trong tháng 10. Bất chấp sự phục hồi ngắn hạn, nông dân vẫn chịu áp lực tài chính do giá còn thấp và phần lớn sản lượng thu hoạch giai đoạn tháng 9–11 đã được bán ra, khiến các đợt tăng giá tiếp theo nhiều khả năng chỉ mang lại lợi ích cho thương lái hơn là cho nông dân.

Nhập khẩu gạo của Philippines được dự báo sẽ tiếp tục giảm trong năm 2026 khi sản lượng trong nước cải thiện, giúp giảm phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài. Bộ Nông nghiệp dự kiến nhập khẩu sẽ xuống dưới 4 triệu tấn, khoảng 3,6–3,8 triệu tấn, đủ đáp ứng nhu cầu trong nước đồng thời góp phần ổn định giá tại ruộng và bảo vệ thu nhập của nông dân. Đà giảm này đến từ kỳ vọng sản xuất lúa nội địa tăng nhờ thời tiết thuận lợi, mở rộng diện tích gieo trồng và các chương trình hỗ trợ của Chính phủ. Dù nhập khẩu vẫn là công cụ đệm quan trọng cho an ninh lương thực và ổn định giá, nhà chức trách sẽ quản lý khối lượng chặt chẽ hơn để bảo đảm tiêu thụ hết vụ mùa trong nước mà không gây áp lực giảm giá. Ước tính năm 2025, Philippines nhập khoảng 3,5 triệu tấn gạo, giảm mạnh so với mức kỷ lục 4,8 triệu tấn năm 2024, chủ yếu do lệnh tạm dừng nhập khẩu trong 4 tháng bắt đầu từ tháng 9.

Theo Inquirer.Net, Philippines đang đối mặt nguy cơ thiếu hụt nguồn cung và biến động giá gạo do giá xuất khẩu từ Việt Nam - nhà cung cấp lớn nhất - tăng lên, trong khi sản xuất lúa nội địa suy yếu. Gạo Việt Nam trở nên đắt hơn do nguồn cung thắt chặt và nhu cầu toàn cầu mạnh, còn sản lượng trong nước gặp khó vì biến động khí hậu, chi phí đầu vào cao và những bất cập kéo dài trong khu vực nông nghiệp. Sự phụ thuộc ngày càng lớn vào nhập khẩu khiến Philippines dễ tổn thương trước các cú sốc giá và thay đổi chính sách từ các nước xuất khẩu. Bài viết cho rằng các biện pháp ngắn hạn như tăng nhập khẩu hay điều chỉnh thuế quan không giải quyết được vấn đề cốt lõi; nếu không có đầu tư bền vững vào năng suất, hạ tầng và hỗ trợ nông dân, an ninh lương thực và ổn định giá cả của Philippines sẽ tiếp tục đối mặt rủi ro.

Philippines sẽ nâng thuế nhập khẩu gạo từ 15% lên 20% kể từ ngày 1/1/2026, viện dẫn nguyên nhân đồng peso mất giá và nguy cơ giá gạo thế giới tăng khi nhập khẩu được nối lại trong năm tới, theo Bộ Nông nghiệp. Trong khi nhập khẩu hiện đang tạm dừng để bảo vệ nông dân trong vụ thu

hoạch mùa mưa, Chính phủ dự kiến cho phép nhập tối đa 500.000 tấn trong năm 2026, bao gồm 50.000 tấn dành cho các cơ quan nhà nước, với yêu cầu hàng phải về trước giữa tháng 2 nhằm bảo vệ giá lúa vụ khô tại ruộng. Để giảm áp lực dòng tiền cho doanh nghiệp nhập khẩu, Bộ Nông nghiệp sẽ miễn khoản đặt cọc 10% thường áp dụng cho thủ tục kiểm dịch động thực vật, giới hạn hàng về trong tháng 1–2 tại 17 cảng được chỉ định, đồng thời khuyến khích đa dạng hóa nguồn cung ngoài Việt Nam sang các nước như Campuchia và Miến Điện. Tuy nhiên, nhóm nông nghiệp Sinag chỉ trích biện pháp này là chưa đủ, tiếp tục kêu gọi áp mức thuế 35% và cho rằng các đợt cắt giảm thuế trước đây không giúp hạ giá bán lẻ, trong khi nhập khẩu kỷ lục đã đẩy giá tại ruộng xuống dưới chi phí sản xuất, gây thiệt hại cho nông dân mà không mang lại lợi ích tương xứng cho người tiêu dùng.

Nhật Bản

Theo thông báo đăng trên website của Bộ Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF), Nhật Bản đã công bố kế hoạch tổ chức một phiên đấu thầu quốc tế để mua khoảng 46.000 tấn gạo, với thời gian nhận hồ sơ dự thầu từ 13h15 đến 14h00 (giờ Nhật Bản) ngày 19/12/2025; thời gian giao hàng dự kiến từ ngày 16/3 đến 25/4/2026.

Trước đó, trong phiên đấu thầu quốc tế ngày 12/12/2025, MAFF đã mua 46.000 tấn gạo, gồm 39.000 tấn gạo hạt trung từ Hoa Kỳ và 7.000 tấn gạo hạt dài đã xay xát từ Thái Lan. Giá nhập khẩu bình quân đạt 141.177 yên/tấn (khoảng 907 USD/tấn) chưa bao gồm thuế và 152.471 yên/tấn (khoảng 979 USD/tấn) đã bao gồm thuế. Kết quả này thuộc đợt đấu thầu nhập khẩu thường kỳ lần thứ 7 của Nhật Bản trong niên vụ tài khóa 2025/26 (tháng 4/2025 – tháng 3/2026).

Hàn Quốc

Hàn Quốc đang cân nhắc cho phép xuất khẩu một phần dữ liệu bản đồ số độ chính xác cao sang Hoa Kỳ trong khuôn khổ đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Hàn–Mỹ (KORUS FTA), nhằm nới lỏng các rào cản phi thuế quan. Nếu được thông qua, các tập đoàn công nghệ Mỹ như Google và Apple có thể xử lý dữ liệu bản đồ của Hàn Quốc trên các máy chủ ở nước ngoài, qua đó cải thiện các dịch vụ định vị, lái xe tự động và công nghệ dựa trên vị trí. Vấn đề này dự kiến sẽ được thảo luận tại cuộc họp Ủy ban hỗn hợp FTA sắp tới tại Mỹ. Tuy nhiên, Hàn Quốc vẫn kiên quyết loại trừ nông nghiệp, đặc biệt là gạo và thịt bò ra khỏi đàm phán để bảo vệ nông dân trong nước.

Ngoài ra, Tổng công ty Thương mại Nông Thủy sản và Thực phẩm Hàn Quốc (KAFTC) đã mua 1.300 tấn gạo hạt dài xay xát từ Công ty Jupiter với giá 529 USD/tấn thông qua một phiên đấu thầu quốc tế kết thúc ngày

11/12/2025. Thương vụ này nằm trong khuôn khổ hạn ngạch thuế quan (TRQ) gạo năm 2025, trong đó KAFTC còn tìm mua 56.944 tấn gạo lứt hạt ngắn từ Trung Quốc và thêm 1.300 tấn gạo hạt dài từ Thái Lan.

Mỹ Latinh

Uruguay, giá gạo 5% tám hiện được báo giá khoảng 451 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, giảm khoảng 18 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 250 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Argentina, giá gạo 5% tám hiện được báo giá khoảng 427 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, tăng khoảng 16 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 271 USD/tấn so với một năm trước.

Brazil, giá gạo 5% tám hiện được báo giá khoảng 443 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, giảm khoảng 25 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 287 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ, giá gạo 4% tám hiện được báo giá khoảng 564 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, giảm khoảng 11 USD/tấn so với một tháng trước, và giảm khoảng 194 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo Báo cáo Triển vọng Gạo tháng 12/2025 của USDA cho niên vụ 2025/26, bức tranh thị trường gạo Mỹ khá trái chiều: sản lượng dự kiến giảm 7% xuống 207,3 triệu cwt do diện tích thu hoạch giảm, nhưng tổng nguồn cung vẫn gần mức cao lịch sử (310,9 triệu cwt) nhờ tồn kho đầu kỳ lớn và nhập khẩu kỷ lục. Nhập khẩu dự báo đạt 49,7 triệu cwt, trong khi xuất khẩu giảm xuống 92,0 triệu cwt do xuất khẩu gạo hạt dài yếu hơn trước cạnh tranh toàn cầu gay gắt. Tiêu thụ nội địa dự kiến ổn định; tồn kho cuối kỳ ước đạt 52,9 triệu cwt, cao hơn tháng trước nhưng thấp hơn năm ngoái. Nguồn cung dồi dào cùng nhu cầu xuất khẩu suy yếu đang gây áp lực giảm giá, khiến USDA hạ giá bình quân tại ruộng cả vụ xuống khoảng 11,60 USD/cwt.

Châu Âu

Tính đến ngày 14/12/2025 trong niên vụ 2025/26 (1/9/2025–31/8/2026), nhập khẩu gạo của EU giảm trong khi xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước. Tổng nhập khẩu đạt 322.781 tấn gạo xay xát, giảm khoảng 19% so với cùng kỳ; trong đó gạo xay xát/bán xay xát chiếm tỷ trọng lớn, chủ yếu là giống indica. Miến Điện, Campuchia, Ấn Độ, Thái Lan và Pakistan là các nhà cung cấp chính. Ngược lại, xuất khẩu gạo của EU tăng khoảng 35% lên 90.848 tấn, chủ yếu là gạo xay xát/bán xay xát, với giống japonica chiếm phần lớn; Anh là thị trường nhập khẩu lớn nhất, tiếp theo là Thụy Sĩ, Belarus, Na Uy và Serbia.

EU đang tiến gần hơn quyết định về hồ sơ xin bảo hộ Chỉ dẫn Địa lý (PGI) cho gạo basmati của Ấn Độ và Pakistan, vốn được xem xét từ năm 2018, trong bối cảnh các nhà xay xát gạo châu Âu phản đối do lo ngại hạn

chế thị trường. Tranh chấp phản ánh khác biệt quan điểm sâu sắc về GI và gắn với các căng thẳng thương mại rộng hơn, bao gồm cáo buộc bán phá giá, tiêu chuẩn vệ sinh nghiêm ngặt và rào cản phi thuế quan.

Pháp và Ý thúc đẩy trì hoãn bỏ phiếu cuối cùng về Hiệp định thương mại tự do EU–Mercosur do lo ngại cạnh tranh từ nông sản giá rẻ; nông dân châu Âu, đặc biệt là người trồng lúa gạo, lo ngại hạn ngạch gạo miễn thuế có thể gây sức ép lớn. Ý cũng chỉ trích chính sách thuế hiện tại của EU liên quan đến Miến Điện, cho rằng điều này làm tổn hại ngành gạo châu Âu.

Trung Đông

Uganda chuẩn bị tung ra các giống gạo thơm mới do NARO phát triển cùng JICA trong khuôn khổ dự án ECO-PRiDe, nhằm giảm phụ thuộc nhập khẩu gạo thơm, cải thiện an ninh lương thực và tăng thu nhập cho nông dân. Đồng thời, cơ quan thuế Uganda tăng cường chống buôn lậu gạo để bảo vệ thị trường hợp pháp.

FAO dự báo sản lượng lúa năm 2025 của **Ecuador** đạt 1,36 triệu tấn, giảm khoảng 12,8% so với cùng kỳ nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 5 năm. Ecuador vẫn phụ thuộc nhập khẩu ngũ cốc để đáp ứng nhu cầu năm 2025/26 (ước 2,4 triệu tấn). Nguồn cung dồi dào từ thu hoạch và nhập khẩu đã kéo giá gạo giảm khoảng 5% so với cùng kỳ vào tháng 10/2025, hỗ trợ an ninh lương thực, trong khi chính sách của Chính phủ tiếp tục ưu tiên ổn định thị trường nội địa hơn là mở rộng xuất khẩu.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức khoảng 352 USD/tấn, tăng khoảng 6 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 4 USD/tấn so với tháng trước, nhưng giảm khoảng 99 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Hoạt động xuất khẩu giảm mạnh trong tháng 11/2025 do tồn kho toàn cầu cao, sản lượng thu hoạch tại các nước sản xuất chủ lực cao, giảm nhu cầu nhập khẩu. Xuất khẩu gạo trong giai đoạn 8 tháng đầu năm tài chính 2025/26 (04/2025-11/2025) nhìn chung ít biến động do nhu cầu toàn cầu vẫn còn yếu và những khó khăn đặc thù của quốc gia ảnh hưởng đến vận chuyển hàng hóa.

Thị trường xuất khẩu gạo basmati bị ảnh hưởng bởi mức thuế của Mỹ cao, khủng hoảng kinh tế tại Iran, đồng nội tệ mất giá, trì hoãn phê duyệt nhập khẩu dẫn đến lo ngại về việc giao hàng và chậm thanh toán.

Thái Lan

Thị trường gạo trắng kết thúc tuần tăng nhẹ do các thương nhân tăng giá chào xuất khẩu do nguồn cung hiện còn hạn chế. Giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức khoảng 394 USD/tấn, tăng lần lượt 3 USD/tấn so với tuần trước và 61 USD/tấn so với tháng trước, tuy nhiên giảm 113 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Miến Điện

Nước này sẽ bắt đầu xuất khẩu gạo đỏ (6,22 mm) và gạo trắng 5% tằm vào thị trường châu Âu từ tháng 01/2026 theo thỏa thuận giữa Hiệp hội Các Nhà Trồng lúa và Sản xuất Gạo Miến Điện và Các Đối tác Thương mại EU. Bên cạnh đó, nước này dự kiến sẽ mở rộng thị trường xuất khẩu gạo sang Philippines. Nước này cũng tiếp tục cung cấp gạo phi basmati phân khúc cao cấp cho Trung Quốc. Theo dữ liệu sơ bộ từ Liên đoàn Gạo Miến Điện (MRF), nước này, riêng tháng 11/2025, đã giao 81.441 tấn gạo thường và 3.493 tấn gạo đỏ sang Trung Quốc.

Pakistan

Giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức khoảng 355 USD/tấn, tăng lần lượt 2 USD/tấn so với tuần trước và 17 USD/tấn so với tháng trước, tuy nhiên giảm 99 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái. Các thương nhân đang tập trung thu mua gạo nguyên liệu để hoàn thành các hợp đồng đã ký, thị trường cũng ghi nhận một số nhu cầu từ Kenya và Trung Quốc.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	16 - 12	17 - 12	18 - 12	19 - 12	22 - 12
Trung Quốc (CNY/USD)	7,05	7,04	7,04	7,04	7,04
Châu Âu (EUR/USD)	0,85	0,85	0,85	0,85	0,85
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	16.673,63	16.654,05	16.692,89	16.704,45	16.701,91
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,09	4,09	4,09	4,09	4,08
Philippines Peso (PHP/USD)	58,90	58,65	58,66	58,59	58,60
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.469,16	1.472,65	1.475,17	1.473,60	1.475,64
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	155,29	154,82	155,59	155,54	157,72
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	90,71	90,93	90,43	90,20	89,63
Miến Điện (MMK/USD)	2.099,77	2.100,22	2.100,06	2.099,83	2.100,31
Pakistan Rupees (PKR/USD)	280,17	280,25	280,27	280,30	280,23
Thái Lan Baht (THB/USD)	31,48	31,44	31,46	31,38	31,45
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.318,92	26.367,01	26.377,69	26.324,07	26.311,47

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

** Tiến độ sản xuất:*

Tính đến ngày 22/12/2025, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

+ Vụ Thu Đông 2025: xuống giống được 638 ngàn ha, thu hoạch được 556 ngàn ha với năng suất khoảng 57,77 tạ/ha, sản lượng ước đạt 3,21 triệu tấn lúa.

+ Vụ Mùa 2025-2026: xuống giống được 175 ngàn ha, bắt đầu thu hoạch được 92 ngàn ha.

+ Vụ Đông Xuân 2024-2025 đã xuống giống được 446 ngàn ha/1,266 triệu ha đã đạt 35,2% diện tích kế hoạch.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/12 đến 15/12/2025 đạt 131.183 tấn, trị giá 68,133 triệu USD, so với cùng kỳ về số lượng giảm 60,58% và về trị giá giảm 66,77%. Lũy kế xuất khẩu gạo đến 15/12/2025 đạt **7,672 triệu tấn**, trị giá **3,923 tỷ USD**, so với cùng kỳ 2024 giảm 12,7% về số lượng và giảm 28,76% về trị giá.

III. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/12 – 15/12/2025 có 12 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 104.400 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Andromeda	HCM	02/11/2025	27.000	Châu Phi
2	Dubai Crown	HCM	22/11/2025	50.000	Châu Phi
3	Tân An 01	Mỹ Thới	25/11/2025	4.500	Philippines
4	Hòa Bình 45	HCM	27/11/2025	4.800	Malaysia
5	Quang Minh 6	HCM	04/12/2025	4.500	Malaysia
6	Hà Đông	HCM	06/12/2025	4.000	Malaysia
7	Quang Minh 5	HCM	08/12/2025	4.500	Malaysia
8	Quang Minh 18	HCM	09/12/2025	3.500	Malaysia
9	Viễn Đông 09	HCM	13/12/2025	6.000	Philippines
10	Vinh Quang Ocean	HCM	14/12/2025	4.000	Philippines
11	Tân An Confidence	HCM	17/12/2025	6.800	Philippines
12	Alkyoni	HCM	19/12/2025	50.000	Châu Phi

Bản tin 1536 (Từ Ngày 16/12/2025 Đến Ngày 22/12/2025)

13	Star 55	HCM	20/12/2025	7.300	Philippines
14	Star 56	HCM	20/12/2025	3.200	Philippines
15	Tân An Honesty	HCM	20/12/2025	4.000	Philippines
16	Vinh Quang Gold	HCM	20/12/2025	6.600	Philippines
Tổng				190.700	



IV. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	18/12	+/-	18/12	+/-	18/12	+/-	18/12	+/-	18/12	+/-	18/12	+/-	18/12	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	5.350	-	5.550	-100	5.650	-100	5.450	-200	5.450	-200	6.250	-200	6.250	-500	6.250	5.707
Lúa thường	5.150	-	5.350	+50	5.550	-	5.350	-	5.325	-25	5.550	100	5.250	-300	5.550	5.361
Lúa Khô/Uốt Tại Kho																
Hạt dài	6.750	-	6.850	-100	7.000	-100	6.700	-50	6.750	-			7.850	-600	7.850	6.983
Lúa thường	6.550	-	6.550	-	6.650	-	6.500	-	6.550	-			6.550	-200	6.650	6.558
Gao Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	7.850	-	8.300	-100	8.300	-150	8.150	-200	8.100	-200			9.050	-1300	9.050	8.292
Lứt loại 2	7.750	-	7.750	+100	7.850	+100	7.650	-	7.650	+50	7.850	-	7.550	-600	7.850	7.721
Xát trắng loại 1			9.500	-100			9.150	-100	9.050	-300	9.950	-100	9.950	-1900	9.950	9.520
Xát trắng loại 2			9.000	-			9.050	-	8.975	-50	9.050	-	8.550	-800	9.050	8.925
Phu Phẩm																
Tám 1/2	7.450	+200	7.550	+150	7.600	+150	7.325	-	7.625	+75	7.625	+175	7.450	+100	7.625	7.518
Tám 2/3			7.450	+150	7.550	+100			7.500	+75			7.250	+400	7.550	7.438
Tám 3/4	7.050	+100	7.350	+150	7.450	+100									7.450	7.283
Cám xát	6.550	+500	6.650	-200	6.650	+300	6.550	+25	6.650	-	6.650	-200	6.450	-500	6.650	6.593
Cám lau	6.550	+500	6.450	-325	6.650	+300	6.550	+25	6.650	-	6.650	-125	6.550	-500	6.650	6.579
Gao TPXK Không Bao Tại Man																
5%	9.100	+300	9.350	-	9.000	-50	9.000	-100	9.000	-	9.400	+50	9.400	-350	9.400	9.179
10%			9.250	-					8.800	-					9.250	9.025
15%	8.900	+300	9.150	-	8.800	-50	8.800	-100	8.600	-	9.150	-	8.950	-500	9.150	8.907
20%									8.300	-					8.300	8.300
25%	8.700	+300	8.450	-	8.600	-50	8.600	-100	8.000	-	8.700	-	8.650	-500	8.700	8.529
